

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 29 tháng 4 năm 2025 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 21/2025/TLST-DS ngày 22 tháng 4 năm 2025.

Căn cứ đơn đề nghị của anh Nguyễn Thanh B ngày 29/4/2025.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1961.

Địa chỉ: Số A khu dân cư N, phường A, thị xã P, tỉnh Phú Thọ.

Bị đơn: Anh Nguyễn Thanh B, sinh năm 1977 và chị Ngô Thị Minh H, sinh năm 1979;

Đều có địa chỉ: Khu F, thị trấn P, huyện P, tỉnh Phú Thọ.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1. Bà Nguyễn Thị V và anh Nguyễn Thanh B, chị Ngô Thị Minh H thống nhất xác nhận: Tính đến ngày 28/4/2025 anh Nguyễn Thanh B và chị Ngô Thị Minh H còn nợ bà Nguyễn Thị V số tiền gốc là 180.000.000 đồng (Một trăm tám mươi triệu đồng). Anh B, chị H nhất trí trả cho bà V số tiền gốc là 180.00.000đ (Một trăm tám mươi triệu đồng). Anh B, chị H có nghĩa vụ trả cho bà V 5.000.000đ, trả vào ngày 28 hàng tháng kể từ tháng 5/2025 cho đến khi trả xong khoản nợ.

Về tiền lãi: Bà Nguyễn Thị V và anh Nguyễn Thanh B, chị Ngô Thị Minh H thống nhất anh B, chị H không phải trả số tiền lãi đối với số tiền gốc cho bà V.

2. Về thời hạn và phương thức trả nợ:

- Lần 1: Ngày 28/5/2025 vợ chồng anh B, chị H trả cho bà V số tiền là 5.000.000đ (Năm triệu đồng).

- Lần 2: Ngày 28/6/2025 vợ chồng anh B, chị H trả cho bà V số tiền là 5.000.000đ (Năm triệu đồng).

- Lần 3: Ngày 28/7/2025 vợ chồng anh B, chị H trả cho bà V số tiền là 5.000.000đ (Năm triệu đồng).

- Lần 4: Ngày 28/8/2025 vợ chồng anh B, chị H trả cho bà V số tiền là 5.000.000đ (Năm triệu đồng).
- Lần 5: Ngày 28/9/2025 vợ chồng anh B, chị H trả cho bà V số tiền là 5.000.000đ (Năm triệu đồng).
- Lần 6: Ngày 28/10/2025 vợ chồng anh B, chị H trả cho bà V số tiền là 5.000.000đ (Năm triệu đồng chẵn).
- Lần 7: Ngày 28/11/2025 vợ chồng anh B, chị H trả cho bà V số tiền là 5.000.000đ (Năm triệu đồng).
- Lần 8: Ngày 28/12/2025 vợ chồng anh B, chị H trả cho bà V số tiền là 5.000.000đ (Năm triệu đồng).
- Lần 9: Ngày 28/01/2026 vợ chồng anh B, chị H trả cho bà V số tiền là 5.000.000đ (Năm triệu đồng).
- Lần 10: Ngày 28/02/2026 vợ chồng anh B, chị H trả cho bà V số tiền là 5.000.000đ (Năm triệu đồng).
- Lần 11: Ngày 28/3/2026 vợ chồng anh B, chị H trả cho bà V số tiền là 5.000.000đ (Năm triệu đồng).
- Lần 12: Ngày 28/4/2026 vợ chồng anh B, chị H trả cho bà V số tiền là 5.000.000đ (Năm triệu đồng).
- Lần 13: Ngày 28/5/2026 vợ chồng anh B, chị H trả cho bà V số tiền là 5.000.000đ (Năm triệu đồng).
- Lần 14: Ngày 28/6/2026 vợ chồng anh B, chị H trả cho bà V số tiền là 5.000.000đ (Năm triệu đồng).
- Lần 15: Ngày 28/7/2026 vợ chồng anh B, chị H trả cho bà V số tiền là 5.000.000đ (Năm triệu đồng).
- Lần 16: Ngày 28/8/2026 vợ chồng anh B, chị H trả cho bà V số tiền là 5.000.000đ (Năm triệu đồng).
- Lần 17: Ngày 28/9/2026 vợ chồng anh B, chị H trả cho bà V số tiền là 5.000.000đ (Năm triệu đồng chẵn).
- Lần 18: Ngày 28/10/2026 vợ chồng anh B, chị H trả cho bà V số tiền là 5.000.000đ (Năm triệu đồng).
- Lần 19: Ngày 28/11/2026 vợ chồng anh B, chị H trả cho bà V số tiền là 5.000.000đ (Năm triệu đồng).
- Lần 20: Ngày 28/12/2026 vợ chồng anh B, chị H trả cho bà V số tiền là 5.000.000đ (Năm triệu đồng).
- Lần 21: Ngày 28/01/2027 vợ chồng anh B, chị H trả cho bà V số tiền là 5.000.000đ (Năm triệu đồng).
- Lần 22: Ngày 28/02/2027 vợ chồng anh B, chị H trả cho bà V số tiền là 5.000.000đ (Năm triệu đồng).

- Lần 23: Ngày 28/3/2027 vợ chồng anh B, chị H trả cho bà V số tiền là 5.000.000đ (Năm triệu đồng).
- Lần 24: Ngày 28/4/2027 vợ chồng anh B, chị H trả cho bà V số tiền là 5.000.000đ (Năm triệu đồng).
- Lần 25: Ngày 28/5/2027 vợ chồng anh B, chị H trả cho bà V số tiền là 5.000.000đ (Năm triệu đồng).
- Lần 26: Ngày 28/6/2027 vợ chồng anh B, chị H trả cho bà V số tiền là 5.000.000đ (Năm triệu đồng).
- Lần 27: Ngày 28/7/2027 vợ chồng anh B, chị H trả cho bà V số tiền là 5.000.000đ (Năm triệu đồng).
- Lần 28: Ngày 28/8/2027 vợ chồng anh B, chị H trả cho bà V số tiền là 5.000.000đ (Năm triệu đồng).
- Lần 29: Ngày 28/9/2027 vợ chồng anh B, chị H trả cho bà V số tiền là 5.000.000đ (Năm triệu đồng).
- Lần 30: Ngày 28/10/2027 vợ chồng anh B, chị H trả cho bà V số tiền là 5.000.000đ (Năm triệu đồng).
- Lần 31: Ngày 28/11/2027 vợ chồng anh B, chị H trả cho bà V số tiền là 5.000.000đ (Năm triệu đồng).
- Lần 32: Ngày 28/12/2027 vợ chồng anh B, chị H trả cho bà V số tiền là 5.000.000đ (Năm triệu đồng).
- Lần 33: Ngày 28/01/2028 vợ chồng anh B, chị H trả cho bà V số tiền là 5.000.000đ (Năm triệu đồng).
- Lần 34: Ngày 28/02/2028 vợ chồng anh B, chị H trả cho bà V số tiền là 5.000.000đ (Năm triệu đồng).
- Lần 35: Ngày 28/3/2028 vợ chồng anh B, chị H trả cho bà V số tiền là 5.000.000đ (Năm triệu đồng).
- Lần 36: Ngày 28/4/2028 vợ chồng anh B, chị H trả cho bà V số tiền là 5.000.000đ (Năm triệu đồng).

Nếu đến thời hạn thỏa thuận trả nợ trên mà anh Nguyễn Thanh B và chị Ngô Thị Minh H vi phạm nghĩa vụ trả nợ bất kỳ lần trả nợ nào thì bà Nguyễn Thị V có quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự huyện Phù Ninh để xử lý toàn bộ số tiền trên.

Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị V là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

- Anh Nguyễn Thanh B và chị Ngô Thị Minh H phải chịu 2.250.000đ (Hai triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Phù Ninh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Đinh Việt Giang